

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2024.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Tài

- Ông Phạm Văn Vũ

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thuý H, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp Đ, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Có yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Thuý H trình bày:

Chị và anh A kết hôn vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/9/2008, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống chị và anh A có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 12/12/2008; hiện con chung đang

sống chung với chị. Chị và anh A không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung.

Lý do không còn sống chung: do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh A thường xuyên cờ bạc nợ nần và ăn nhậu say xỉn, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh A không thay đổi và anh, chị đã không còn sống chung khoảng 03 tháng.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị H có các yêu cầu sau:

1. Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng A, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.
2. Về con chung: chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.
3. Về tài sản chung: không có không yêu cầu giải quyết.
4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Ngày 19/4/2024 chị Nguyễn Thị Thuý H có đơn xin vắng mặt.

Theo nội dung bản tự khai ngày 09/4/2024 anh Nguyễn Hoàng A trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung anh đồng ý với lời trình bày của chị H. Lý do không còn sống chung: do anh làm ăn thua lỗ xảy ra nợ nần nên chị H và anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh có năn nỉ chị H nhiều lần nhưng chị H không đồng ý cho anh cơ hội. Hiện anh và chị H đã không còn sống chung khoảng 03 tháng; hiện nay chị H kiên quyết ly hôn và anh, chị chưa hàn gắn tình cảm được.

Qua yêu cầu của chị H, anh có ý kiến sau:

- Về hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thuý H do anh còn thương vợ thương con.
- Về con chung: theo nguyện vọng của con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: không có không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Vào ngày 27/5/2024 anh Nguyễn Hoàng A có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá

trình tố tụng tại Tòa án các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: về hôn nhân: chị H và anh A xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 09/9/2008. Thời điểm đăng ký kết hôn anh, chị đã đủ tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Anh A không đồng ý ly hôn nhưng anh thừa nhận do anh làm ăn thua lỗ xảy ra nợ nần nên chị H và anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần anh mong muốn hàn gắn nhưng chị H không đồng ý cho anh cơ hội. Chị H kiên quyết ly hôn và không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh A cho thấy mâu thuẫn hôn nhân không giải quyết được, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị H và anh A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị H, anh A không có yêu cầu.

Về con chung: xét thấy hiện nay cháu Nguyễn Hoàng P đang sống chung với chị H, chị H có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và cháu Phúc có nguyện vọng sống chung với mẹ. Anh A cũng đồng ý theo nguyện vọng của con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Lẽ đó, cần giao con chung Nguyễn Hoàng Phúc cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị H, anh A trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuý H.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị Thuý H được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 12/12/2008. Do chị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị H và anh A trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: anh Nguyễn Hoàng A có đăng ký thường trú tại địa chỉ: ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Thuý H và anh Nguyễn Hoàng A có yêu cầu xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh A.

[4] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thuý H và anh Nguyễn Hoàng A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/9/2008. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh A được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị H xin ly hôn với anh A là do do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh A thường xuyên cờ bạc nợ nần và ăn nhậu say xỉn, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh A không thay đổi và anh, chị đã không còn sống chung khoảng 03 tháng. Anh A trình bày lý do anh và chị H không còn sống chung là do anh làm ăn thua lỗ xảy ra nợ nần nên chị H và anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, anh có năn nỉ chị H nhiều lần nhưng chị H không đồng ý cho anh cơ hội. Hiện anh và chị H đã không còn sống chung khoảng 03 tháng; hiện nay chị H kiên quyết ly hôn và anh, chị chưa hàn gắn tình cảm được. Xét thấy: Hiện nay chị H và anh A không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh A không đồng ý ly hôn với chị H nhưng anh A không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H và chị H không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh A. Từ những cơ sở nêu trên có đủ căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị H và anh A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

[5] Về con chung: chị Nguyễn Thị Thuý H và anh Nguyễn Hoàng A có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 12/12/2008; khi ly hôn chị H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu Hoàng Phúc đang sống chung với chị H và khi ly hôn cháu Hoàng Phúc có nguyện vọng sống chung với mẹ. Lễ đó cần giao con chung Nguyễn Hoàng Phúc, sinh ngày 12/12/2008 cho chị Nguyễn Thị Thuý H trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82,

83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

[6] Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị H, anh A không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: chị H, anh A trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: chị H, anh A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Nguyễn Thị Thuý H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24, 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuý H. Chị Nguyễn Thị Thuý H được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng A. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị H, anh A không có yêu cầu.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị Thuý H được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 12/12/2008. Do chị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của

con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: chị H và anh A trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị H và anh A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thuý H phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003629 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- UBND xã Đông Hải, huyện Duyên Hải;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tô